

Số: 39/2024/QĐST-DS

Thọ Xuân, ngày 14 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Ngọc Công.

Thư ký phiên họp: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên họp: Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 22/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 07/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1955. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Chị Lờ Thị T, sinh năm 1976. Có mặt.

Địa chỉ: Thụn H, xóm X, huyện T, Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1981. Vắng mặt.

2. Chị Phạm Thị T1, sinh năm 1984. (Vợ anh Q). Vắng mặt.

Cung địa chỉ: Thụn H, xóm X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu, bản tự khai và tại phiên họp hôm nay, người yêu cầu là bà Nguyễn Thị C và người đại diện theo ủy quyền của bà C là chị Lê Thị T trình bày:

Tại bản án số 30/2021/DSST ngày 05/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã quyết định: Buộc anh Nguyễn Văn Q phải giao lại cho bà Nguyễn Thị C giá trị tài sản chia di sản thừa kế 52,625 m² đất ở là 78.937.500 đ.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Q không chịu thi hành bản án nên bà C đã làm đơn yêu cầu thi hành án. Đến ngày 17/10/2022, Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân đã ra quyết định thi hành án theo yêu cầu số 78/QĐ – CCTHADS. Tại biên bản xác minh điều kiện thi hành án ngày 28/10/2022, Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân đã xác định: Anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị T2 có tài sản chung là 01 ngôi nhà 02 tầng, xây dựng kiên cố và công trình phụ kèm theo nằm trên diện tích đất 147 m², thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất tại thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (diện tích đất là tài sản anh Nguyễn Văn Q được hưởng di sản thừa kế riêng, chưa được cấp trích lục). Vị trí diện tích đất có ngôi nhà nêu trên như sau:

Phía Đông Nam giáp mặt đường liên xã dài 5,5 m;

Phía Tây Bắc giáp thửa đất số 39 dài 5,25 m;

Phía Tây Nam giáp thửa đất số 77 dài 27,16 m;

Phía Đông Bắc giáp phần đất nhà bà T3 dài 28,3 m;

Ngày 23/8/2023 Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân đã ban hành Thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án số 268/TB – CCTHA đối với anh Q và chị T2, nhưng anh Q và chị T2 vẫn không tự thỏa thuận phân chia tài sản hay yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Đến nay anh Q vẫn không hợp tác trả tiền cho bà nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân giải quyết xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của anh Q trong khối tài sản chung của anh Q và chị T2 nói trên để thi hành án.

Người có quyền lợi là anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị T2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng không đến Tòa án làm việc, từ chối nhận các văn bản của Tòa án nên Tòa án không thu thập được lời khai cũng như ý kiến của anh Q và chị T2.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ xác định: Trên diện tích đất 147 m² thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 14, tại thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa có 01 ngôi nhà 02 tầng, tầng 1 có 01 phòng ngủ, tầng 2 có 02 phòng ngủ kèm theo

nhà bếp và công trình phụ. Hiện toàn bộ các công trình trên đất đang do vợ chồng anh **Q**, chị **T2** quản lý sử dụng. Vị trí diện tích đất có ngôi nhà nêu trên như sau:

Phía Đông Nam giáp mặt đường liên xã dài 5,5 m;

Phía Tây Bắc giáp thửa đất số 39 dài 5,25 m;

Phía Tây Nam giáp thửa đất số 77 dài 27,16 m;

Phía Đông Bắc giáp phần đất nhà bà **T3** dài 28,3 m;

Tại phiên họp, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh **Nguyễn Văn Q** và chị **Phạm Thị T2** không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không có mặt theo giấy triệu tập và không chấp hành các quyết định của Tòa án.

- Về quan điểm giải quyết: Căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, khoản 3 Điều 367, Điều 370, 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, Điều 210, Điều 213 Bộ luật dân sự; Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình;

1. Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà **Nguyễn Thị C**. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xác định anh **Nguyễn Văn Q** được quyền sở hữu giá trị tài sản là: 1/2 giá trị tài sản nằm trên diện tích đất 147 m² thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 14, tại **thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** gồm: 01 ngôi nhà 02 tầng, tầng 1 có 01 phòng ngủ, tầng 2 có 02 phòng ngủ kèm theo nhà bếp và công trình phụ.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Miễn tiền lệ phí dân sự cho bà **Nguyễn Thị C**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà **Nguyễn Thị C** yêu cầu Tòa án giải quyết xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1981, địa chỉ: **Thị trấn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** (là người phải thi hành án) để thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Căn cứ vào khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

[2] Về nội dung yêu cầu: Theo bản án số 30/2021/DSST ngày 05/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã quyết định: Buộc anh Nguyễn Văn Q phải giao lại cho bà Nguyễn Thị C giá trị tài sản chia di sản thừa kế 52,625 m² đất ở là 78.937.500 đ.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Q không chịu thi hành bản án. Đến ngày 17/10/2022, Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân đã ra quyết định thi hành án theo yêu cầu số 78/QĐ – CCTHADS. Tại biên bản xác minh điều kiện thi hành án ngày 28/10/2022 và Thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án số 268/TB – CCTHA ngày 23/8/2023, Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân đã xác định: Tài sản chung của anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị T2 có tài sản chung là 01 ngôi nhà 02 tầng, xây dựng kiên cố và công trình phụ kèm theo. Các tài sản này nằm trên diện tích đất 147 m², thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất tại thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (diện tích đất là tài sản anh Nguyễn Văn Q được hưởng di sản thừa kế, chưa được cấp trích lục).

Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân đã thông báo cho anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị T2 biết quyền tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, nhưng hết thời hạn theo quy định anh Q và chị T2 không có thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thực hiện theo Thông báo của Chi cục Thi hành án bà C đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của anh Nguyễn Văn Q trong khối tài sản chung với chị Phạm Thị T2 để thi hành án, là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào Biên bản xác minh điều kiện thi hành án do Chấp hành viên lập; Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, có cơ sở xác định: 01 ngôi nhà 02 tầng, xây dựng kiên cố và công trình phụ kèm theo nằm trên diện tích đất 147 m², thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất tại thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (diện tích đất là tài sản anh Nguyễn Văn Q được hưởng di sản thừa kế riêng, chưa được cấp trích lục) là tài sản chung, thuộc sở hữu chung hợp nhất của vợ chồng anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị T2. Vị trí diện tích đất nêu trên như sau:

Phía Đông Nam giáp mặt đường liên xã dài 5,5 m;

Phía Tây Bắc giáp thửa đất số 39 dài 5,25 m;

Phía Tây Nam giáp thửa đất số 77 dài 27,16 m;

Phía Đông Bắc giáp phần đất nhà bà T3 dài 28,3 m;

Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị C và ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên họp, xác định phần

quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của anh **Nguyễn Văn Q** trong khối tài sản chung với chị **Phạm Thị T2** là 1/2 (50%) để thi hành án, là phù hợp.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà **Nguyễn Thị C** thuộc diện người cao tuổi nên được miễn tiền lệ phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 210, Điều 213 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà **Nguyễn Thị C**.

Xác định anh **Nguyễn Văn Q** được quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với 1/2 (50%) tài sản, gồm: 01 ngôi nhà 02 tầng, xây dựng kiên cố và công trình phụ kèm theo (toàn bộ tài sản này nằm trên diện tích đất 147 m², thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất tại **thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** là tài sản anh **Nguyễn Văn Q** được hưởng di sản thừa kế riêng, chưa được cấp trích lục). Vị trí diện tích đất có ngôi nhà nêu trên như sau:

Phía Đông Nam giáp mặt đường liên xã dài 5,5 m;

Phía Tây Bắc giáp thửa đất số 39 dài 5,25 m;

Phía Tây Nam giáp thửa đất số 77 dài 27,16 m;

Phía Đông Bắc giáp phần đất nhà bà **T3** dài 28,3 m;

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Miễn tiền lệ phí sơ thẩm cho bà **Nguyễn Thị C**.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự được quyền kháng cáo quyết định trong hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo quyết định trong hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa án ra quyết định.

- Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc Công